

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NAM TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **513/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 10/12/2020

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia
đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quốc Sơn;
2. Bà Phạm Thị Mai Anh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Tâm – Cán bộ tòa
án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà
Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 10/12/2020 Tại trụ sở Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm xét xử sơ
thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 461/2020/TLST- HNGĐ ngày
02/11/2020 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
125/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/11/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ 19, phường N, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. *Có mặt.*

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số 3, ngách 32/48/3, đường Đ, tổ dân phố số 3, phường M, quận
N, thành phố Hà Nội. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/10/2020 và các lời khai tiếp theo, nguyên
đơn là anh Nguyễn Quốc T trình bày:***

Anh Nguyễn Quốc T và chị Nguyễn Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày
15/01/2012 tại Ủy ban nhân dân phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội. Quá trình
chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu
thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường
xuyên mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm nhau. Quá trình mâu thuẫn giữa vợ chồng anh

thì bố mẹ gia đình hai bên có hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Hiện hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2020 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm tới ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh xin được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H không có con chung.

Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh và chị H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị H không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04/11/2020, bị đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xác nhận về điều kiện kết hôn và thời gian kết hôn như anh T trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống xuất phát từ việc chị mâu thuẫn với mẹ chồng, anh T không bảo vệ chị mà chỉ nghe theo mẹ của anh T. Quá trình mâu thuẫn giữa vợ chồng chị thì bố mẹ gia đình hai bên có hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Hiện vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 3/2020 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm tới ai. Nay anh T nộp đơn xin ly hôn đối với chị thì chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị và anh T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ: Chị và anh T không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn là anh Nguyễn Quốc T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Anh và chị H không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T và chị H không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị H có ý kiến:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xác định giữa chị và anh T có mâu thuẫn, Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống xuất phát từ việc chị mâu thuẫn với mẹ chồng. Việc anh T xin ly hôn đối với chị thì chị không đồng ý.

Về con chung: Chị và anh T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị và anh T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ: Chị và anh T không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Q. Nam Từ Liêm phát biểu ý kiến:

- Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể là: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên cho anh Nguyễn Quốc T được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

+ Về con chung: Anh T và chị H đều khẳng định vợ chồng không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị H đều khẳng định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện giữa Nguyên đơn là anh Nguyễn Quốc T có địa chỉ cư trú tại: Tổ 19, phường N, thành phố T, tỉnh Ninh Bình với bị đơn là chị Nguyễn Thị H có địa chỉ cư trú tại: Số 3 ngách 32/48/3, đường Đ, tổ dân phố số 3, phường M, quận N, thành phố Hà Nội. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo quy định tại Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quốc T và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 15/01/2012 tại Ủy ban nhân dân phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội. Vì vậy, hôn nhân của anh T và chị H là hôn nhân hợp pháp.

Anh T cho rằng cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu từ năm 2017, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2020 cho đến nay, mỗi người sống một nơi không ai còn quan tâm tới ai.

Chị H cũng xác nhận quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống xuất phát từ việc chị mâu thuẫn với mẹ chồng, anh T không bảo vệ chị mà chỉ nghe theo mẹ của anh T. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 3 năm 2020 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm tới ai.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của anh T, chị H, xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn với nhau xuất phát từ việc anh T và chị H kết hôn đã lâu nhưng chưa có con chung. Hiện anh T và chị H đã sống ly thân. Chị H sinh sống tại: Số 3, ngách 32/48/3, đường Đ, tổ dân phố số 3, phường M, quận N, thành phố Hà Nội. Cụ thể việc mâu thuẫn giữa anh T và chị H thì địa phương không nắm rõ.

Tòa án xác minh tại Công an phường M về nơi cư trú của chị Nguyễn Thị H thì được cung cấp chị H có cư trú ổn định tại địa phương.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H không muốn ly hôn nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của anh T xử cho anh T được ly hôn chị H.

Về con chung: Anh Nguyễn Quốc T và chị Nguyễn Thị H không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh T và chị H khẳng định vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T và chị H xác nhận không vay nợ ai, không cho ai vay nợ và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Quốc T phải chịu phí án ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Quốc T và chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146, Điều 147, Điều 195, Điều 196, Điều 200, Điều 207, của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Quốc T. Anh Nguyễn Quốc T được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Quốc T và chị Nguyễn Thị H không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh Nguyễn Quốc T và chị Nguyễn Thị H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh Nguyễn Quốc T và chị Nguyễn Thị H xác nhận không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Quốc T phải chịu 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai số 0009782 ngày 28/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Hà Nội. Anh T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKS ND Quận Nam Từ Liêm;
- THA DS Quận N;
- Các đương sự;
- UBND phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội;
- Lưu HS+ VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(ĐÃ KÝ)

Đỗ Thúy Anh

